

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Tuyên Quang, năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	4
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào.....	5
2.1.1. Tầm nhìn.....	5
2.1.2. Sứ mạng.....	5
2.1.3. Mục tiêu giáo dục	5
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội.....	6
2.2.1. Tầm nhìn.....	6
2.2.2. Sứ mạng.....	6
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	6
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	7
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM & KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ.....	8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	8
5.2. Quy trình đào tạo.....	8
5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	8
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	9
6.1. Đội ngũ giảng viên.....	9
6.2. Cơ sở vật chất	9
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	9
7.1. Các phương pháp dạy học	9
	11

7.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực	
7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	13
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	13
8.1. Quy trình đánh giá	13
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	13
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	15
9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	15
9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	15
9.3. Nội dung chương trình	19
9.4. Kế hoạch giảng dạy	26
9.5. Bản đồ dạy học	32
9.6. Tóm tắt nội dung học phần	33
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	46
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	48
12. PHỤ LỤC.....	48
12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt	
12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần	
12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra).....	
12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo).....	
12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).....	

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Công tác xã hội (CTXH) của Trường Đại học Tân Trào ban hành vào năm 2017. Đây là một ngành học tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT và được sử dụng đào tạo liên tục hằng năm kể từ khi ban hành đến nay. CTĐT cập nhật, chỉnh sửa năm 2022 được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành GDTH; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định số 667/QĐ-ĐHTT ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kì 2 năm/lần vào các năm 2018, 2020 theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành giáo dục. Qua mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến Công tác xã hội nói riêng và của ngành giáo dục nói chung. Đặc biệt, chương trình chỉnh sửa năm 2022 trên cơ sở đã được kiểm định chất lượng vào năm 2021. Tài liệu học tập được cập nhật và phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

CTĐT đào tạo cử nhân Công tác xã hội đặc biệt quan tâm chú trọng tới các vấn đề sau đây và đã đạt được các kết quả:

- Đảm bảo chất lượng, hướng tới sự đầu tư chuyên sâu của giảng viên, đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực cho sinh viên và vận dụng trong công tác dạy học sau này ở cấp tiểu học; thúc đẩy tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kỹ năng cho bản thân.

- Tài liệu giảng dạy được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tự học đối với mỗi học phần trong CTĐT.

- Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở thực hành nghề trong và ngoài tỉnh; chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kỹ năng xã hội cần đối với nhân viên Công tác xã hội như: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng sư phạm cần thiết...

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Công tác xã hội
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Social Work
- Mã ngành đào tạo: 7760101
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Công tác xã hội.
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

"TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng"

2.1.2. Sứ mạng

"TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước"

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

"Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả

năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công".

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Tâm lý Giáo dục & Công tác xã hội là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển giao tri thức hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển trường Đại học Tân Trào và nhu cầu xã hội.

2.2.2. Sứ mạng

Đến năm 2030 Khoa Tâm lý Giáo dục & Công tác xã hội sẽ trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu phát triển bền vững, có uy tín và đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề Công tác xã hội, thích ứng với môi trường làm việc góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất; kiến thức khoa học xã hội, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Có kiến thức cơ bản, chuyên sâu nhằm phát hiện và giải quyết các vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng.

MT3: Có kỹ năng đánh giá, sử dụng các biện pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng; Thiết kế và triển khai chương trình dự án phát triển xã hội và tham mưu, tư vấn các chính sách theo hướng đảm bảo lợi ích cho các đối tượng cần trợ giúp.

MT4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và tư duy linh hoạt trong hoạt động nghề Công tác xã hội.

MT5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có phong cách làm việc độc lập, năng động, sáng tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội đạt được những chuẩn đầu ra sau:

3.1. CDR về kiến thức

CDR1. Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

CDR2. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để thực hiện các hoạt động về công tác xã hội.

CDR3. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành để hỗ trợ cá nhân, nhóm, cộng đồng.

CDR4. Đánh giá các vấn đề về công tác xã hội cá nhân, nhóm và cộng đồng.

3.2. CDR về kỹ năng

- Kỹ năng cứng

CDR5. Lựa chọn các biện pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng; thiết kế và triển khai chương trình dự án phát triển xã hội.

CDR6. Phân tích các chính sách để tư vấn đảm bảo lợi ích cho các đối tượng cần trợ giúp.

- Kỹ năng mềm

CDR7. Giải quyết các tình huống trong quá trình thực tế, thực hành nghề công tác xã hội.

CDR8. Thực hiện kế hoạch làm việc phù hợp với môi trường năng động, sáng tạo.

CDR9. Áp dụng các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả trong thực hành công tác xã hội cá nhân, nhóm và phát triển cộng đồng.

CDR10. Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).

3.3. CDR về mức độ tự chủ và trách nhiệm

CDR11. Tổ chức làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm đối với nhóm trước các vấn đề cần giải quyết; năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.

CDR12. Lập kế hoạch phân công, quản lý các nguồn lực, cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

4.1. Về vị trí việc làm

- Cán bộ/chuyên viên tại các cơ quan, đơn vị thuộc ngành lao động – xã hội; Các tổ chức, đoàn thể: Đoàn-Hội thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn...; Các trường học, bệnh viện cung cấp dịch vụ CTXH, tham vấn tâm lý; Các cơ sở đào tạo CTXH, cơ sở nghiên cứu xã hội; Các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế;

- Thành lập Trung tâm, doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ CTXH;

- Cán bộ/chuyên viên tại các trung tâm CTXH từ Trung ương tới địa phương.

4.2. Về khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Có khả năng học tập chuyên sâu để trở thành chuyên gia CTXH độc lập trong các lĩnh vực CTXH khác nhau.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Theo chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

- Trường Đại học Tân Trào hiện có số giảng viên cơ hữu trình độ từ thạc sĩ trở lên đảm bảo 100% tham gia giảng dạy CTĐT ngành Công tác xã hội. Thông tin về giảng viên được thể hiện rõ ràng trên mỗi đề cương học phần thuộc tất cả các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành của CTĐT.

- Về cơ bản, toàn thể cán bộ, giảng viên trong Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có cán bộ nào bị thiếu giờ ảnh hưởng đến kết quả thi đua. Bên cạnh đó, có nhiều cán bộ, giảng viên dạy vượt giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học so với tiêu chuẩn. Các hoạt động cộng đồng chuyên môn được cán bộ, giảng viên tham gia tích cực, có nhiều đóng góp, đáp ứng được cơ bản các mục tiêu đề ra. Giảng viên luôn cảm thấy hài lòng, hào hứng với nhiệm vụ và công việc được giao, cố gắng góp sức mình cho sự phát triển toàn diện của Khoa và của Nhà trường.

6.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy – học.

- Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo đảm bảo phục vụ cho nhu cầu dạy và học thuộc chuyên ngành CTXH. Nhà trường kết nối 45 máy tính với Trung tâm Học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên để khai thác tài liệu điện tử. Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin. Gần 400 máy tính nối mạng internet. Hệ thống mạng không dây (wifi) phủ kín trong toàn bộ không gian của Trường. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm trong công tác quản lý như: quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý cán bộ. Tổng diện tích thư viện: 212 m² trong đó diện tích phòng đọc là hơn 100m²; số chỗ ngồi là 150; số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 50 máy. Phần mềm quản lý thư viện số GREENSTONE.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Ngành CTXH lựa chọn một số phương pháp dạy học cơ bản sau:

- *Thuyết trình*: Giảng viên (GV) trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. GV là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên (SV) nghe giảng, ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà GV truyền đạt.

- *Câu hỏi gợi mở*: Trong tiến trình dạy học, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn SV từng bước trả lời câu hỏi. SV có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- *Giải quyết vấn đề*: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Qua đó, SV đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- *Dạy học theo tình huống*: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, để hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, GV liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu SV giải quyết để hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

- *Thực tập, thực hành*: Thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại các trung tâm, Hội, Đoàn...SV luyện tập, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp và văn hóa làm việc, hình thành kiến thức kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

- *Dạy học tương tác*: GV sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. GV với vai trò hướng dẫn SV từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp SV nắm vững kiến thức, hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- *Thảo luận*: Là phương pháp dạy học trong đó SV được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được GV đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- *Học nhóm*: SV được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

- *Phương pháp tự học*: Đây là một quá trình giúp SV tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua thực hiện các bài tập hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn. Phương pháp tự học được áp dụng chủ yếu là giải bài tập ở nhà (Work Assignment).

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình*: Là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng catset mà không phải trên văn bản viết.

- *Phương pháp đóng vai*: Là phương pháp tổ chức cho người học thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp người học suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phân diễn ấy.

- *Phương pháp trò chơi*: Là phương pháp tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

- *PP Bàn tay nặn bột*: Là một phương pháp dạy học tích cực dựa trên thí nghiệm, nghiên cứu, áp dụng giảng dạy cho các môn học tự nhiên. Phương pháp này chú trọng tới việc hình thành kiến thức bằng các thí nghiệm tìm tòi nghiên cứu để chính người học tìm ra câu trả lời cho các vấn đề được đặt ra trong cuộc sống thông qua tiến hành thí nghiệm, quan sát, nghiên cứu tài liệu hoặc điều tra. Với một vấn đề khoa học, người học có thể đặt ra câu hỏi, giả thiết từ hiểu biết ban đầu, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu, kiểm chứng, so sánh, phân tích, thảo luận và đưa ra kết luận phù hợp.

- *Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án)*: Là phương pháp trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao, từ việc lập kế hoạch đến việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện dự án. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Kết quả dự án là những sản phẩm hành động có thể giới thiệu được.

7.2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực

- *Kĩ thuật đặt câu hỏi*: Trong dạy học theo PP cùng tham gia, GV thường phải sử dụng câu hỏi để gợi mở, dẫn dắt người học tìm hiểu, khám phá thông tin, kiến thức, kĩ năng mới, để đánh giá kết quả học tập của người học. Mặt khác, người học cũng phải sử dụng câu hỏi để hỏi lại, hỏi thêm GV và người học khác về những nội dung bài học chưa sáng tỏ.

- *Kỹ thuật khăn trải bàn*: Là tổ chức hoạt động mang tính kết hợp giữa hoạt

động cá nhân với hoạt động nhóm. Từng thành viên viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy. Nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp các ý kiến và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy. Mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.

- *Kỹ thuật các mảnh ghép*: Người học được phân thành các nhóm, sau đó GV phân công cho mỗi nhóm thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Người học thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công. Sau đó, mỗi thành viên của các nhóm này sẽ tập hợp lại thành các nhóm mới, như vậy trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về vấn đề đã được thảo luận và mỗi “chuyên gia” về từng vấn đề sẽ có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề mà người học đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

- *Kỹ thuật động não*: Là kỹ thuật giúp cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

- *Kỹ thuật XYZ (còn gọi là kỹ thuật 635)*: Là một kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực của mỗi thành viên trong nhóm, trong đó mỗi nhóm có X thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra Y ý kiến trong khoảng thời gian Z. Mô hình thông thường mỗi nhóm có 6 thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra 3 ý kiến trong khoảng thời gian 5 phút, do vậy, kỹ thuật này còn gọi là kỹ thuật 635.

- *Kỹ thuật "Bể cá"*: Là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm thành viên ngồi giữa phòng và thảo luận với nhau; còn những thành viên khác ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những thành viên đang thảo luận. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

- *Kỹ thuật "Lược đồ tư duy" hay "Sơ đồ tư duy"*: Kỹ thuật này là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Kỹ thuật này giúp GV và người học trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học hay một cuốn sách, hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ, ...

* Ngoài ra, tùy thuộc đặc trưng của từng học phần, giảng viên có thể vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học dạy học khác phù hợp và hiệu quả.

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học gồm:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan đối mới của ngành Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đã được kiểm định chất lượng và phát huy các mặt mạnh đạt được và cải tiến chất lượng.

- Hàng năm, các Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

- Khoa/Bộ môn lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên, ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào CDR và phương pháp dạy - học của từng học phần, các phương pháp đánh giá được lựa chọn nhằm đảm bảo sự phù hợp và đánh giá được mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT gồm:

- Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên và ý thức, thái độ học tập của sinh viên kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

- Đánh giá bài tập (Work Assignment): mức độ thực hiện bài tập của sinh viên và việc thực hiện bài tập bởi cá nhân hoặc nhóm.

- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm...

- Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần.

- Kiểm tra viết (Written Exam): yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các CDR về kiến thức của học phần.

- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- Thi vấn đáp (Oral Exam): đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

- Viết báo cáo (Written Report): đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hay hình ảnh trong báo cáo.

- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

- Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Điểm học phần gồm điểm các thành phần: Điểm thành phần 1 là điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10% gồm: *thái độ tham dự*: 2%, (trong đó, luôn chú ý và tham gia các hoạt động:2%; khá chú ý, có tham gia: 1,5%; có chú ý, ít tham gia: 1%; không chú ý, không tham gia: 0%); *thời gian tham dự*: 8% (nếu vắng 01 tiết trừ 1%; vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm). Điểm thành phần 2 là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Điểm thành phần 3 là điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5 đến 5,4	D+	1,5
7	Từ 4 đến 4,9	D	1,0

8	Dưới 4,0	F	0
---	----------	---	---

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. *hỏi lượng kiến thức toàn khóa*

Tổng số tín chỉ của CTĐT: 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 20 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 44 tín chỉ;
- Thực tập: 8 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

9.2. *Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra														
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm		
		C				Đ				C		M				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2			
A. Kiến thức giáo dục đại cương																
I. Lý luận chính trị																
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	2														
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-lênin	3														
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3														
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3														
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3														
II. Ngoại ngữ																
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3										3			
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		3										3			

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra													
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm	
		C					Đ					C	M		C
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			1	
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		3										2		
III. Tin học															
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2											3	
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn															
<i>Phần bắt buộc</i>															
LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương		2												
TL2.1.400.2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản trong CTXH		2							3					
<i>Phần tự chọn (Chọn 2 trong 8 tín chỉ)</i>															
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2												
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2												
LL2.1.006.2	Mỹ học đại cương		2												
LL2.1.008.2	Logic học đại cương		2												
V. Giáo dục thể chất															
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 - Bơi lội		2												
<i>Học phần tự chọn 1 (Chọn 3 trong 18 tín chỉ)</i>															
TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)		2												
TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)		2												
TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		2												
TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)		2												
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)		2												
TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)		2												
TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)		2												

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra														
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm		
		C					Đ					C	M			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				R1	R2
TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	2														
<i>Học phần tự chọn 2 (Chọn 2 trong 12 tín chỉ)</i>																
TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2														
TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2														
TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2														
TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2														
TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Boi lội 2)	2														
TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2														
TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2														
TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2														
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh																
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	1														
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	1														
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1														
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	1														
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
I. Kiến thức cơ sở ngành																
<i>Kiến thức bắt buộc</i>																
TL2.1.195.4	Tâm lý học			3											1	
TL2.1.401.3	CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần			2				2								
TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội							2								
TL2.1.196.3	Công tác xã hội đại cương			2				2								

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra															
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm			
		C					Đ					C	M		C	C	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			1			2
TL2.1.197.4	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội							2								2	
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 8 trong 10 tín chỉ)</i>																	
TL2.1.198.2	Giáo dục học đại cương		2														
TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương			2					2								
TL2.1.402.2	Chẩn đoán tâm lý			2													
TL2.1.095.2	Tâm lý học sáng tạo								2							2	
TL2.1.405.2	Phát triển cộng đồng			2				2									
II. Kiến thức ngành																	
<i>Kiến thức bắt buộc</i>																	
TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính				1			2									
TL2.1.022.2	Đạo đức trong công tác xã hội			2												1	
TL2.1.027.2	Chính sách xã hội							3								2	
TL2.1.200.3	Giáo dục kỹ năng sống					2										2	
TL2.1.029.2	Giới và phát triển								2								1
TL2.1.094.2	Tâm bệnh học				2											1	
TL2.1.043.3	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội				2			2									
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong 12 tín chỉ)</i>																	
TL2.1.090.2	Dân số và phát triển			3													1
TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc								2							2	
TL2.1.018.2	Tâm lý học giao tiếp xã hội									3							

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra															
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm			
		C				Đ				C		M					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	R1	R2		
TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội				2											1	
TL2.1.190.2	Khoa học quản lý và lãnh đạo				2		1										
TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp			2						3							
III. Kiến thức chuyên ngành																	
<i>Kiến thức bắt buộc</i>																	
TL2.1.030.3	Công tác xã hội cá nhân				3	2											
NN2.1.028.3	Tiếng Anh chuyên ngành												2				
TL2.1.031.3	Công tác xã hội nhóm			3											2		
TL2.1.201.3	Quản trị ngành CTXH							2								2	
TL2.1.034.3	Tham vấn trong công tác xã hội			3												1	
TL2.1.189.2	CTXH trong bệnh viện				3	2											
TL2.1.036.3	Thực hành công tác xã hội cá nhân					3											
TL2.1.037.3	Thực hành công tác xã hội nhóm			3												1	
TL2.1.038.3	Thực hành công tác xã hội với cộng đồng			3												2	
TL2.1.039.2	CTXH trẻ em			3			2										
TL2.1.047.2	Công tác xã hội với người nghèo			3													1
TL2.1.049.2	Công tác xã hội trong trường học			3				1									
TL2.1.202.3	Dự án công tác xã hội					3										2	
TL2.1.203.4	Công tác xã hội gia đình					3	3										
TL2.1.207.2	Khởi nghiệp trong công tác xã hội				2		3										
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 6 trong 15 tín chỉ)</i>																	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra														
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kĩ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm		
		C				Đ				Cún g	Mềm					
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	ĐĐR5	ĐĐR6	ĐĐR7	ĐĐR8		ĐĐR9	ĐĐR10	CĐR11	CĐR12		
TL2.1.050.3	Công tác xã hội với người khuyết tật			3						2						
TL2.1.044.3	Công tác xã hội người cao tuổi			3												
TL2.1.048.3	Công tác xã hội dân tộc thiểu số			3												
TL2.1.045.3	Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn			3						1						
TL2.1.199.3	Giáo dục đặc biệt					2										
IV. Thực tập																
TL2.2.051.4	Thực tập 1			3					2							
TL2.2.052.4	Thực tập 2					3										
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>																
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/8 tín chỉ)</i>																
TL2.2.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng				3											1
TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội								2							
TL2.2.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản			3					2							
TL2.2.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm			3					1							
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)		130														

0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo (Theo thang nhân thức của Bloom)

9.3. Nội dung chương trình

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương								
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	43	2		Không	
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-lênin	2	25	5		LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1		LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	20	10		LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9					
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23		Không	
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23		NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23		NN2.1.002.3	
III. Tin học			2					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		Không	
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn			6					
<i>Phần bắt buộc</i>								
10	LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1		LL2.1.040.3	
11	TL2.1.400.2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản trong	2	14	16		Không	

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
		CTXH						
<i>Phân tự chọn (Chọn 2 trong 8 tín chỉ)</i>								
12	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16			Không
13	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	14	1		45	Không
14	LL2.1.006.2	Mỹ học đại cương	2	19	11			LL2.1.040.3
15	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	2	29	1			LL2.1.040.3
V. Giáo dục thể chất			7					
16	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội	2	2		28		Không
<i>Học phần tự chọn 1 (Chọn 3 trong 18 tín chỉ)</i>								
17	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		Không
18	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		
19	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1)	3	5		40		
20	TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2		43		
21	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	5		40		
22	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3		42		
23	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43		
24	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2	3	3		42		

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
		(Điền kinh 1)						
<i>Học phần tự chọn 2 (Chọn 2 trong 12 tín chỉ)</i>								
25	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2			30		Không
26	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2			30		
27	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2	1		29		
28	TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30		
29	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2	1		29		
30	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2			30		
31	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		
32	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	3		27		
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
33	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45				Không
34	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30				Không
35	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	2	14		16		Không
36	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	4		56		Không
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
I. Kiến thức cơ sở ngành			24					
<i>Kiến thức bắt buộc</i>			16					
37	TL2.1.195.4	Tâm lý học	4	26	34			Không
38	TL2.1.401.3	CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	17	7	42	75	TL2.1.030.3
39	TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội	2	15	15			Không
40	TL2.1.196.3	Công tác xã hội đại cương	3	24	21			Không
41	TL2.1.197.4	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	4	25	35			Không
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 8 trong 10 tín chỉ)</i>			8					
42	TL2.1.198.2	Giáo dục học đại cương	2	14	16			Không
43	TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương	2	14	16			Không
44	TL2.1.402.2	Chẩn đoán tâm lý	2	11	19			TL2.1.199.3
45	TL2.1.095.2	Tâm lý học sáng tạo	2	12	18			Không
46	TL2.1.405.2	Phát triển cộng đồng	2	10	20			Không
II. Kiến thức ngành			20					
<i>Kiến thức bắt buộc</i>			16					
47	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính	2	14	16			Không
48	TL2.1.022.2	Đạo đức trong công tác xã hội	2	14	16			Không

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
49	TL2.1.027.2	Chính sách xã hội	2	15	15			Không
50	TL2.1.200.3	Giáo dục kỹ năng sống	3	16	29			Không
51	TL2.1.029.2	Giới và phát triển	2	14	16			Không
52	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học	2	14	16			Không
53	TL2.1.043.3	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	3	22	23			Không
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong 12 tín chỉ)</i>			4					
54	TL2.1.090.2	Dân số và phát triển	2	13	17			Không
55	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2	14	9	14		Không
56	TL2.1.018.2	Tâm lý học giao tiếp xã hội	2	15	15			Không
57	TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	14	16			Không
58	TL2.1.190.2	Khoa học quản lý và lãnh đạo	2	14	16			Không
59	TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp	2	15	15			Không
III. Kiến thức chuyên ngành			44					
<i>Kiến thức bắt buộc</i>			41					
60	TL2.1.030.3	Công tác xã hội cá nhân	3	20	17	16		TL2.1.196.3
61	NN2.1.028.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	22	23			NN2.1.003.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
62	TL2.1.031.3	Công tác xã hội nhóm	3	20	25			TL2.1.030.3
63	TL2.1.201.3	Quản trị ngành CTXH	3	21	24			Không
64	TL2.1.034.3	Tham vấn trong công tác xã hội	3	18	27			TL2.1.196.3
65	TL2.1.189.2	CTXH trong bệnh viện	2	15	15			TL2.1.196.3
66	TL2.1.036.3	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3	4		82		TL2.1.030.3
67	TL2.1.037.3	Thực hành công tác xã hội nhóm	3	12		99		TL2.1.031.3
68	TL2.1.038.3	Thực hành công tác xã hội với cộng đồng	5	30			75	TL2.1.037.3
69	TL2.1.039.2	CTXH trẻ em	2	14	16			TL2.1.196.3
70	TL2.1.047.2	Công tác xã hội với người nghèo	2	12	18			TL2.1.196.3
71	TL2.1.049.2	Công tác xã hội trong trường học	2	14	16			TL2.1.196.3
72	TL2.1.202.3	Dự án trong công tác xã hội	3	20	25			Không
73	TL2.1.203.4	Công tác xã hội gia đình	4	28	32			TL2.1.196.3
74	TL2.1.207.2	Khởi nghiệp trong công tác xã hội	2	15	15			TL2.1.038.3
Kiểm thức tự chọn (chọn 3 trong 15 tín chỉ)			3					
76	TL2.1.044.3	Công tác xã hội người cao tuổi	3	18	27			TL2.1.196.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
77	TL2.1.048.3	Công tác xã hội dân tộc thiểu số	3	12	1	92		TL2.1.196.3
78	TL2.1.045.3	Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn	3	19	20	18		TL2.1.196.3
79	TL2.1.199.3	Giáo dục đặc biệt	3	16	9		60	TL2.1.198.3
IV. Thực tập			8					
80	TL2.2.051.4	Thực tập 1	4			15	185	TL2.1.036.3 TL2.1.031.3
81	TL2.2.052.4	Thực tập 2	4			24	144	TL2.1.038.3 TL2.2.051.4
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>			6					
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/8 tín chỉ)</i>								
82	TL2.2.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	2	13	17			TL2.1.021.2
83	TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	2	15	15			TL2.1.198.3
84	TL2.2.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản	2	13	17			TL2.1.196.3
85	TL2.2.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm	2	14	7	18		TL2.1.196.3
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính GD thể chất, GD Quốc phòng – An ninh)							130	

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số T C	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
Học kỳ I				18										
<i>Học phần bắt buộc</i>														
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin		3	3									
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3									
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2									
4	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội		2	2									
5	LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương		2	2									
6	TL2.1.400.2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản trong CTXH		2	2									
7	TL2.1.195.4	Tâm lý học		4	4									
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 tín chỉ)</i>														
8	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2									
9	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	LL2.1.040.3	2										
Học kỳ II				17										
<i>Học phần bắt buộc</i>														
10	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-lênin	LL2.1.040.3	2	2									
11	TL2.1.196.3	Công tác xã hội đại cương		3	3									
12	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3	3									
13	TL2.1.197.4	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội		4	4									
14	TL2.1.200.3	Giáo dục kỹ năng sống		3	3									
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)</i>														

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số T C	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
15	TL2.1.063.2	Tâm lý học sáng tạo		2										
16	LL2.1.006.2	Mỹ học đại cương	LL2.1.040.3	2		2								
17	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2										
<i>Giáo dục thể chất 2 (chọn 3 trong 18 tín chỉ)</i>				*		*								
18	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)		3										
19	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3										
20	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3										
21	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)		3		3								
22	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)		3										
23	TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)		3										
24	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Boi lội 1)		3										
25	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)		3										
Học kỳ III				16										
<i>Học phần bắt buộc</i>														
26	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2							
27	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3							
28	TL2.1.022.2	Đạo đức trong công tác xã hội		2			2							
29	TL2.1.401.3	CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm	TL2.1.030.3	3			3							

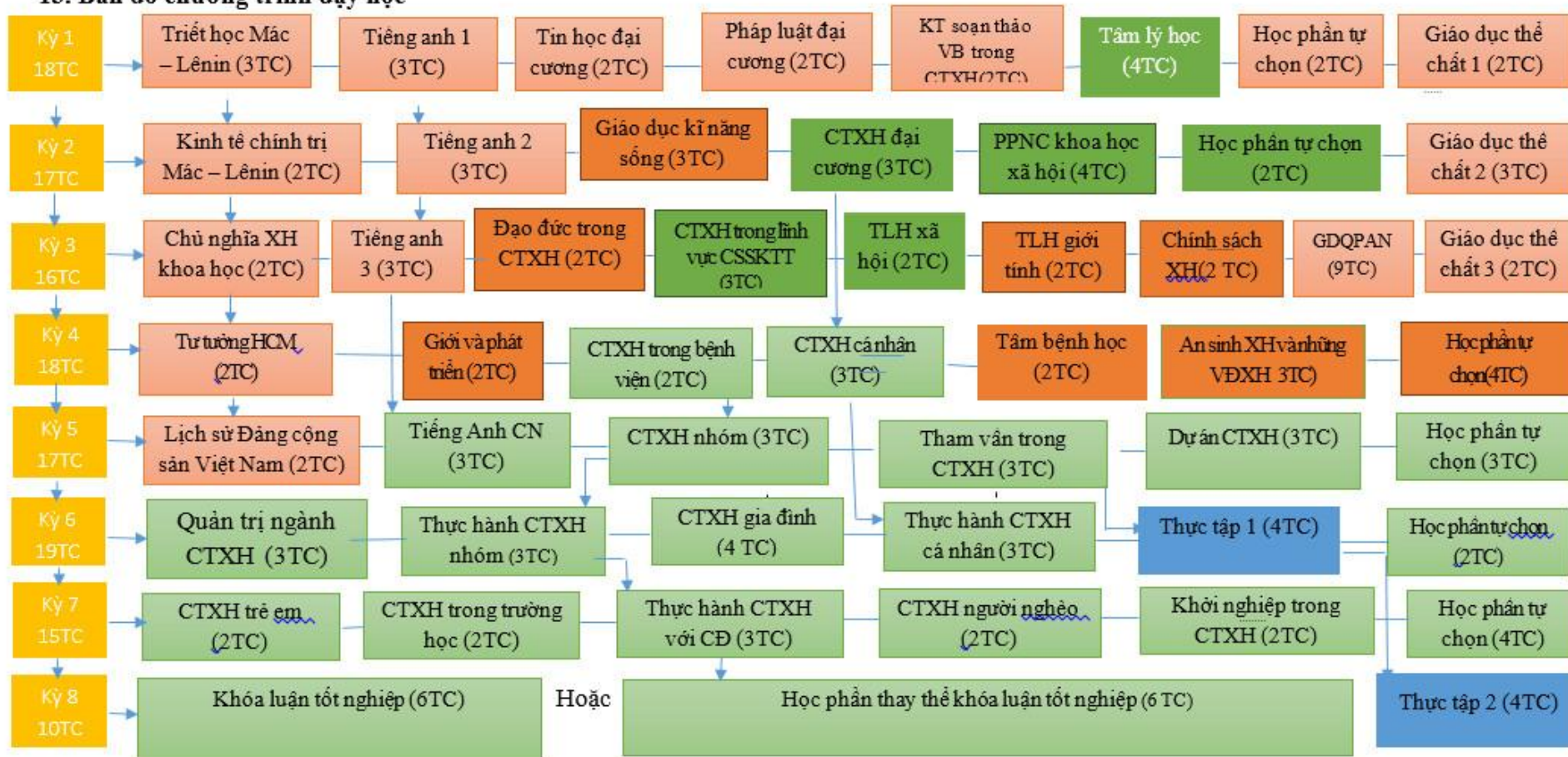
Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số T C	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
		thần												
30	TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội		2			2							
31	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính		2			2							
32	TL2.1.027.2	Chính sách xã hội		2			2							
<i>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 12 tín chỉ)</i>				*			*							
33	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)		2										
34	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2										
35	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyên 2)		2										
36	TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)		2										
37	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Boi lội 2)		2			2							
38	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)		2										
39	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)		2										
40	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)		2										
Quốc phòng – An Ninh														
41	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1		3										
42	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2		2										
43	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3		2			9							
44	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4		2			*							

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số T C	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
Học kỳ IV				18										
<i>Học phần bắt buộc</i>														
45	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.3	2				2						
46	TL2.1.189.2	Công tác xã hội trong bệnh viện	TL2.1.196.3	2				2						
47	TL2.1.030.3	Công tác xã hội cá nhân	TL2.1.196.3	3				3						
48	TL2.1.029.2	Giới và phát triển		2				2						
49	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học		2				2						
50	TL2.1.043.3	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội		3				3						
<i>Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 tín chỉ)</i>														
51	TL2.1.061.2	Tôn giáo học đại cương		2										
52	TL2.1.402.2	Chẩn đoán tâm lý	TL2.1.199.3	2				4						
53	TL2.1.190.2	Phát triển cộng đồng		2										
54	TL2.1.198.3	Giáo dục học đại cương		2										
Học kỳ V				17										
<i>Học phần bắt buộc</i>														
55	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2					
56	NN2.1.028.3	Tiếng Anh chuyên ngành	NN2.1.003.3	3					3					
57	TL2.1.034.3	Tham vấn trong công tác xã hội	TL2.1.196.3	3					3					
58	TL2.1.031.3	Công tác xã hội nhóm	TL2.1.030.3	3					3					
59	TL2.1.202.3	Dự án trong CTXH		3					3					

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số T C	Học kỳ									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
Học phần tự chọn (chọn 3 trong 13 tín chỉ)														
	TL2.1.050.3	Công tác xã hội với người khuyết tật	TL2.1.196.3	3										
60	TL2.1.044.3	Công tác xã hội người cao tuổi	TL2.1.196.3	3										
61	TL2.1.048.3	Công tác xã hội dân tộc thiểu số	TL2.1.196.3	3										
62	TL2.1.045.3	Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn	TL2.1.196.3	3										
63	TL2.1.199.3	Giáo dục đặc biệt	TL2.1.198.3	3										
Học kỳ VI					19									
<i>Học phần bắt buộc</i>														
64	TL2.1.201.3	Quản trị ngành công tác xã hội		3								4		
65	TL2.1.203.4	Công tác xã hội gia đình	TL2.1.196.3	4								4		
66	TL2.1.036.3	Thực hành công tác xã hội cá nhân	TL2.1.030.3	3								3		
67	TL2.1.037.3	Thực hành công tác xã hội nhóm	TL2.1.031.3	3								3		
68	TL2.1.051.4	Thực tập 1	TL2.1.036.3, TL2.1.031.3	4								4		
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 tín chỉ)														
69	TL2.1.090.2	Dân số và phát triển		2										
70	TL2.1.058.2	Hành vi con người và môi trường xã hội		2								2		
71	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc		2										
Học kỳ VII					15									
<i>Học phần bắt buộc</i>														
72	TL2.1.039.3	CTXH trẻ em	TL2.1.196.3	3									2	
73	TL2.1.049.2	Công tác xã hội trong trường học	TL2.1.196.3	2									2	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	ĐK tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
74	TL2.1207.2	Khởi nghiệp trong công tác xã hội	TL2.1.038.3	2								2	
76	TL2.1.047.2	Công tác xã hội với người nghèo	TL2.1.196.3	2								2	
77	TL2.1.038.3	Thực hành công tác xã hội với cộng đồng	TL2.1.031.3, TL2.1.190.2	3								3	
<i>Học phần tự chọn (chọn 4 trong 6 tín chỉ)</i>													
78	TL2.1.018.2	Tâm lý học giao tiếp xã hội		2									
79	TL2.1.190.2	Khoa học quản lý và lãnh đạo		2									4
80	TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp		2									
Học kỳ VIII				10									
<i>Học phần bắt buộc</i>													
81	TL2.1.052.4	Thực tập 2	TL2.1.038.3, TL2.2.051.4	4									4
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>			6									6
<i>Học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6 trong 8 tín chỉ)</i>													
82	TL2.1.053.2	Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng	TL2.1.021.2	2									
83	TL2.1.055.2	CT dân số và sức khỏe sinh sản	TL2.1.019.4	2									
84	TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	TL2.1.198.3	2									6
85	TL2.1.057.2	CTXH phòng chống tệ nạn XH & tội phạm	TL2.1.196.3	2									
Tổng					18	17	16	18	17	19	15	10	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính GD thể chất, GD Quốc phòng – An ninh)					130								

13. Bản đồ chương trình dạy học



Ghi chú: Học phần học song hành: ———→

Học phần tiên quyết: ———→

Kỳ học, số tín chỉ:

Kiến thức cơ sở ngành:

Kiến thức ngành:

Kiến thức giáo dục đại cương:

Thực tập:

Kiến thức chuyên ngành:

9.6. Mô tả nội dung các học phần

1	<p>Triết học Mác - Lênin: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.</p>
2	<p>Kinh tế Chính trị Mác - Lênin: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Triết học Mác – Lê nin</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
3	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.</p>
4	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Chủ nghĩa xã hội khoa học.</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.</p>
5	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i></p> <p>Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và</p>

	<p>những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.</p>
6	<p>Tiếng Anh 1: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.</p>
7	<p>Tiếng Anh 2: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Anh 1</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.</p>
8	<p>Tiếng Anh 3: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Anh 2</i></p> <p>Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.</p>
9	<p>Tin học đại cương: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.</p>
10	<p>Pháp luật đại cương: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p>

11	<p><i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản trong CTXH: 2 TC</i> Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần nghiên cứu các vấn đề chung về soạn thảo văn bản; thể thức, văn phong và ngữ pháp văn bản và kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong CTXH.</p>
12	<p><i>Xã hội học đại cương: 2 TC</i> Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của XHH; Một số khái niệm cơ bản của XHH; Một số lĩnh vực nghiên cứu của XHH; Phương pháp nghiên cứu của XHH, Cơ cấu xã hội.... hình thành các kỹ năng thu thập số liệu, giải thích, phân tích những vấn đề khác nhau của đời sống xã hội;</p>
13	<p><i>Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC</i> Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.</p>
14	<p><i>Mỹ học đại cương: 2 TC</i> Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về mỹ học như bản chất của mỹ học; khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, một số vấn đề chung về nghệ thuật.</p>
15	<p><i>Logic học đại cương: 2 TC</i> Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lê nin</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về cơ bản các hình thức cơ bản của tư duy và các quy luật, quy tắc trong quá trình thực hiện các thao tác logic đối với tư duy. Giúp cho người học hình thành được các kỹ năng cơ bản trong tư duy, suy luận và chỉ ra các lỗi thường gặp của các hình thức cơ bản của tư duy, tạo lập lối suy nghĩ mạch lạc, chính xác, thói quen diễn đạt có lập luận chặt chẽ, có căn cứ xác đáng.</p>

16	<p><i>Giáo dục thể chất 1: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
17	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
18	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
19	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
20	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
21	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
22	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>

23	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
24	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
25	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
26	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
27	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
28	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
29	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng tránh chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>

30	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
31	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
32	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
33	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.</p>
34	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.</p>
35	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.</p>

36	<p><i>Giáo dục quốc phòng – An ninh 4: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</p>
37	<p><i>Tâm lý học: 4 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về tâm lý học đại cương và đặc điểm phát triển tâm lý các giai đoạn lứa tuổi, làm cơ sở cho quá trình làm việc với vai trò là nhân viên công tác xã hội.</p>
38	<p><i>CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: CTXH cá nhân</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động CTXH trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần bao gồm khái quát chung về sức khỏe tâm thần, vai trò của nhân viên xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần, thực hành chăm sóc sức khỏe tâm thần với một số đối tượng.</p>
39	<p><i>Tâm lý học xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội; Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản trong đời sống tập thể; Vấn đề nhân cách trong tâm lý học xã hội.</p>
40	<p><i>Công tác xã hội đại cương: 4 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về các vấn đề cơ bản của công tác xã hội, một số lý thuyết chủ yếu trong công tác xã hội.</p>
41	<p><i>Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội: 4 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học xã hội, cách thức xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học xã hội; các phương pháp thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học xã hội, xây dựng kế hoạch và triển khai nghiên cứu khoa học xã hội; những nội dung cơ bản về vị trí, ý nghĩa của thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội, những khái niệm cơ bản trong</p>

	<p> nghiên cứu khoa học xã hội; cách chọn mẫu, chọn thang đo, các loại thống kê mô tả, thống kê suy luận và kiểm định sự độc lập cho mỗi quan hệ hai biến định tính</p>
42	<p><i>Giáo dục học đại cương: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; Giáo dục và sự phát triển nhân cách; Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục; Hệ thống giáo dục quốc dân.</p>
43	<p><i>Tôn giáo học đại cương: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về các kiến thức về quan điểm của các nhà khoa học, của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, về sự hình thành, diễn biến của các hình thức tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam.</p>
44	<p><i>Chẩn đoán tâm lý: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Giáo dục đặc biệt</p> <p>Học phần cung cấp tri thức cơ sở lý luận, các phương pháp về khoa học chẩn đoán tâm lý, các nguyên tắc xây dựng, đo đạc, phân tích kết quả trong chẩn đoán, đánh giá tâm lý. Ngoài ra, môn học này còn giúp sinh viên cách thức sử dụng trắc nghiệm và phân tích kết quả chẩn đoán, đánh giá tâm lý về trí tuệ, nhân cách, nghề nghiệp, giáo dục.</p>
45	<p><i>Tâm lý học sáng tạo: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về bản chất của sáng tạo, cơ sở sinh học và xã hội của sáng tạo, các vấn đề tâm lý trong hoạt động sáng tạo (trí thông minh, tư duy, tưởng tượng, nhân cách và động cơ sáng tạo), tâm lý học sáng tạo và cuộc sống (sáng tạo khoa học – kĩ thuật, sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo trong cuộc sống thường ngày) và việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo.</p>
46	<p><i>Phát triển cộng đồng: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Môn học trang bị cho người học kiến thức về: khái niệm giao tiếp; tiến trình phát triển cộng đồng; vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội tuyến xã phường trong phát triển cộng đồng; các vấn đề cộng đồng và tiến trình giải quyết vấn đề của cộng đồng.</p>

47	<p><i>Tâm lý học giới tính: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm tâm lý giới tính và những đặc điểm tâm lý của nam và nữ; mối quan hệ giữa hai giới, một số vấn đề đặc thù của giáo dục giới tính...</p>
48	<p><i>Đạo đức trong công tác xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về đạo đức và đạo đức trong Công tác xã hội, giúp sinh viên ý thức được vai trò, trách nhiệm đối với thân chủ, đồng nghiệp và ngành nghề của mình. Đồng thời trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc thực hiện các nguyên tắc hành động đối với từng lĩnh vực công tác xã hội cụ thể.</p>
49	<p><i>Chính sách xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, đối tượng, bản chất, chức năng và mối quan hệ của chính sách xã hội; Một số chính sách xã hội phổ biến ở Việt Nam.</p>
50	<p><i>Giáo dục kỹ năng sống: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản về: kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống, tổ chức giáo dục kỹ năng sống.</p>
51	<p><i>Giới và phát triển: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm giới và giới tính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu Xã hội học giới; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bất bình đẳng giới; vấn đề giới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.</p>

52	<p>Tâm bệnh học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm tâm bệnh học, các mối quan hệ và sự thích nghi các mối quan hệ ở con người, một số dạng rối nhiễu tâm lý thường gặp và các loại tâm pháp cơ bản trong chăm chữa đối với các đối tượng có rối nhiễu tâm lý (khái niệm về tâm lý trị liệu, những hình thức chăm chữa, những biện pháp phòng ngừa tâm bệnh lý).</p>
53	<p>An sinh xã hội và những vấn đề xã hội: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về an sinh xã hội (Vị trí, vai trò, khái niệm và mối quan hệ giữa an sinh xã hội và các lĩnh vực khoa học khác; Cơ sở khoa học, quá trình hình thành và phát triển, Hệ thống bộ máy an sinh xã hội Việt Nam; Chính sách xã hội) và những vấn đề xã hội (Khái niệm về vấn đề xã hội; Lịch sử nghiên cứu các vấn đề xã hội; Một số vấn đề về nghèo đói, thất nghiệp, quá tải dân số, ô nhiễm môi trường, sức khoẻ; Một số vấn đề về tệ nạn xã hội; Một số vấn đề về gia đình và trẻ em).</p>
54	<p>Dân số và phát triển: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học dân số; quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số; mức sinh, mức chết và những yếu tố ảnh hưởng; di dân và đô thị hóa; dân số và nguồn lao động việc làm; dự báo dân số và chính sách dân số; dân số và các vấn đề xã hội; phụ nữ và các vấn đề dân số, phát triển kinh tế - xã hội; dân số và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.</p>
55	<p>Xây dựng và phát triển nhóm làm việc: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về bản chất, tầm quan trọng của nhóm làm việc, các cách thức vận hành, quản lý, lãnh đạo nhóm; đồng thời trang bị các kỹ năng cụ thể trong các tình huống xây dựng và phát triển nhóm làm việc. Môn học này còn mở rộng nội dung hoạt động vận hành của nhóm trong môi trường đa văn hóa, một xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế</p>

56	<p><i>Tâm lý học giao tiếp xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp, hành vi, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường xã hội, các kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp có hiệu quả trong học tập và cuộc sống.</p>
57	<p><i>Hành vi con người và môi trường xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về hành vi con người, môi trường xã hội và mối quan hệ giữa chúng; các lý thuyết về hành vi con người và môi trường xã hội; vai trò của nhân viên xã hội với những vấn đề trong gia đình và ngoài xã hội; áp dụng các lý thuyết để xử lý các tình huống trong thực tiễn khi đi thực hành, thực tập về công tác xã hội.</p>
58	<p><i>Khoa học quản lý và lãnh đạo: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về những vấn đề chung về khoa học quản lý và lãnh đạo. Lí luận về quản lý và phong cách lãnh đạo. Một số đặc điểm tâm lý trong nhóm và tập thể. Công tác cán bộ, một số khía cạnh tâm lý trong công tác quản lý và lãnh đạo.</p>
59	<p><i>Kỹ năng giao tiếp: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Môn học trang bị cho người học kiến thức về: khái niệm giao tiếp; khái niệm kỹ năng giao tiếp; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; phát triển kỹ năng giao tiếp trong các loại hình giao tiếp thường gặp, phát triển năng lực kỹ năng giao tiếp và ứng dụng trong giải quyết bài tập tình huống cũng như trong thực tế.</p>
60	<p><i>Công tác xã hội cá nhân: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về phương pháp, nguyên tắc và kỹ năng, tiến trình công tác xã hội cá nhân vào vận dụng thực hành nhằm trợ giúp đối tượng xã hội cụ thể.</p>

61	<p>Tiếng Anh chuyên ngành: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ta công tác xã hội; người học có thể rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh các chủ đề liên quan đến khái niệm, nguyên tắc, quy định về đạo đức và các phương pháp công tác xã hội mà họ đã học trong môn công tác xã hội đại cương.</p>
62	<p>Công tác xã hội nhóm: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội cá nhân</p> <p>Học phần giới thiệu một cách tổng thể về sự hình thành và phát triển công tác xã hội (CTXH) với nhóm. Các giá trị và nguyên tắc, vai trò, nhiệm vụ của người nhân viên công tác xã hội nhóm. Các kỹ năng và kỹ thuật áp dụng trong quá trình tiến hành</p>
63	<p>63. Quản trị ngành công tác xã hội: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý và lãnh đạo</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, mục đích, vai trò của quản trị công tác xã hội; yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc hành động và quy điều đạo đức của nhà quản trị công tác xã hội; Các kiến thức về quản trị công tác xã hội ở cấp độ nhân viên và cấp độ tổ chức; các kỹ năng cơ bản của nhà quản trị công tác xã hội.</p>
64	<p>Tham vấn trong công tác xã hội: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, đối tượng, mục đích, phương pháp tiếp cận trong tham vấn, một số vấn đề đạo đức trong tham vấn, các kỹ năng tham vấn cơ bản và nâng cao, các mối quan hệ và quá trình tham vấn; một số lĩnh vực tham vấn đặc thù trong công tác xã hội.</p>
65	<p>Công tác xã hội trong bệnh viện: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về công tác xã hội trong bệnh viện, các phương pháp và kỹ năng công tác xã hội trong bệnh viện, quy trình công tác xã hội trong bệnh viện, có ý thức tích cực học tập, thực hành theo đúng chuẩn mực nghề nghiệp, biết vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p>

66	<p><i>Thực hành công tác xã hội cá nhân: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội Cá nhân</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về công tác xã hội cá nhân chuyên nghiệp, vai trò, trách nhiệm của sinh viên, của người tham gia trong đợt thực hành, các thủ tục thực hành, thực hành tại cơ sở.</p>
67	<p><i>Thực hành công tác xã hội nhóm: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội Nhóm</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, mục đích yêu cầu của thực hành nhóm trong CTXH nhóm. Vai trò, tiến trình, các kỹ năng cơ bản trong CTXH, những hiểu biết về cơ sở thực hành CTXH</p>
68	<p><i>Thực hành công tác xã hội với cộng đồng: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành công tác xã hội Nhóm</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về lý thuyết liên quan đến công tác xã hội cộng đồng, qua đó vận dụng các kỹ năng, phương pháp để giải quyết các vấn đề có liên quan.</p>
69	<p><i>Công tác xã hội trẻ em: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần thiêu một cách tổng quát những vấn đề chung về trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; lý luận về công tác xã hội với trẻ em; phương pháp công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.</p>
70	<p><i>Công tác xã hội người nghèo: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, biểu hiện của nghèo đói, cách xác định chuẩn nghèo, thực trạng, nguyên nhân của nghèo đói, những đặc điểm, các vấn đề của người nghèo, ảnh hưởng của nghèo đói đến gia đình; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nguyên tắc trong công tác xã hội với người nghèo, các phương pháp và các kỹ năng cần có khi làm việc với đối tượng người nghèo.</p>

71	<p>Công tác xã hội trong trường học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất trong công tác xã hội với môi trường học đường. Đồng thời học phần cũng chỉ ra những nhiệm vụ, yêu cầu đối với nhân viên xã hội tại trường học, qua đó định hướng cho sinh viên tích lũy, học tập những kiến thức bổ trợ phục vụ cho công tác của bản thân sau này.</p>
72	<p>Dự án Công tác xã hội: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần gồm kiến thức cơ bản về dự án, thực hiện dự án và quản lý dự án hiệu quả, được học tập về các kỹ năng mềm trong quản lý dự án thông qua các loại hình bài tập nhóm, trò chơi đóng vai, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng lắng nghe... sinh viên cũng được cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế/ xây dựng dự án cũng như quy trình giám sát và đánh giá dự án.</p>
73	<p>Công tác xã hội gia đình: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về gia đình, công tác xã hội với gia đình, tiến trình giải quyết vấn đề gia đình theo cấp độ nhu cầu.</p>
74	<p>Khởi nghiệp trong công tác xã hội: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành CTXH với cộng đồng</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về những đặc trưng cơ bản của nghề CTXH, nhu cầu của thị trường lao động, cách lựa chọn và xác định lĩnh vực dự án sẽ tham gia hoạt động, xác định được những điểm mạnh, yếu của bản thân. Sinh viên có kỹ năng xây dựng kế hoạch làm việc cũng như lựa chọn cách thức để hoạt động và đạt mục tiêu đề ra.</p>
75	<p>Công tác xã hội với người khuyết tật: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm người khuyết tật; Vấn đề chăm sóc người khuyết tật; Vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội với người khuyết tật</p>

76	<p>Công tác xã hội người cao tuổi: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức, kỹ năng cơ bản để hướng dẫn người học thực hành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ cho người cao tuổi tại cộng đồng, bao gồm đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, kết nối mạng lưới, và vận động và thực hiện các chính sách, chương trình cho người cao tuổi.</p>
77	<p>Công tác xã hội dân tộc thiểu số: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về vị trí, vai trò chức năng của công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số trong công tác xã hội nói chung, những vấn đề lý luận và phương pháp luận về công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số và các nội dung công tác xã hội đối với dân tộc thiểu số.</p>
78	<p>Công tác xã hội hành vi lệch chuẩn: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm một số vấn đề chung về hành vi lệch chuẩn, một số phương pháp và kỹ năng công tác xã hội với hành vi lệch chuẩn.</p>
79	<p>Giáo dục đặc biệt: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về giáo dục đặc biệt; Nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục và đánh giá trong giáo dục đặc biệt</p>
80	<p>Thực tập 1: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành CTXH cá nhân, CTXH nhóm</p> <p>Học phần củng cố kiến thức công tác xã hội, chuẩn bị các công việc cho việc thực tập tại cơ sở cho sinh viên. Bước đầu hình thành các thái độ và kỹ năng làm việc của nhân viên công tác xã hội.</p>

81	<p>Thực tập 2: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1, Thực hành CTXH với cộng đồng</p> <p>Cung cấp cho sinh viên cơ hội để ứng dụng những khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và các kỹ năng đã học vào thực tiễn. Sinh viên sẽ học qua thực tập và có những kinh nghiệm thực tế với tư cách như là một nhân viên công tác xã hội tập sự.</p>
82	<p>Tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Xây dựng và phát triển nhóm làm việc</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, nguyên tắc tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng; Cách thức tổ chức các hoạt động văn hóa quần chúng.</p>
83	<p>Giáo dục và sự phát triển xã hội: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về những vấn đề chung về giáo dục, con người xã hội và giáo dục, biến đổi xã hội và giáo dục, những khác biệt xã hội và bất bình đẳng cơ hội trong giáo dục, vấn đề giáo dục phụ nữ và thanh thiếu niên, nhi đồng trong xã hội hiện đại.</p>
84	<p>Công tác dân số và sức khỏe sinh sản: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về dân số, quy mô, cơ cấu và phân bố dân số; chất lượng dân số và các yếu tố ảnh hưởng; các nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản; Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản; sức khỏe tình dục và kế hoạch hóa gia đình</p>
85	<p>Công tác xã hội phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội đại cương</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về một số tệ nạn xã hội hiện nay như: ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và cách phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm đó cũng như nội dung, phương pháp công tác xã hội với các đối tượng trên</p>

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội đã được đối sánh về CĐR và nội dung đào tạo với các trường đại học làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển CTĐT gồm:

Nội dung	Chương trình đào tạo CTXH năm 2022 của trường Đại học Tân Trào	Chương trình đào tạo CTXH năm 2022 của Trường ĐH Khoa học – ĐH Thái Nguyên	Chương trình đào tạo CTXH năm 2022 của Trường Đại học Hùng Vương
Tên chương trình	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Công tác xã hội
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm
Tổng số tín chỉ/ Số học phần: <i>(không tính phần giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh)</i> . Trong đó:	130	135	125
*) Khối lượng lý thuyết	Khoảng 65% BT, TL 45% LT	Trên 50% LT	Khoảng 60% TH BT, 40% LT
*) Khối lượng bài tập/ thực hành			
- Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	33	33
- Khối kiến thức cơ sở ngành	24	44	25
- Khối kiến thức ngành	20		52
- Khối kiến thức chuyên ngành	44	32	
- Thực tập 1: Thực tập giáo trình Thực hành nghề nghiệp/Đề án môn học	4	Không có TT1 mà TT 1 -> 4 từ HK2-> HK7 (mỗi kỳ 3TC)	3
- Thực tập 2: Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	4+6	5+7	5+5

Số lượng các học phần khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giống nhau hoặc tương đương	49 môn KTGDCN	31/41 môn giống hoặc tương đương môn KTGDCN 75,6%	30/37 môn giống hoặc tương đương môn KTGDCN 81%
---	---------------	--	--

Từ các kết quả đối sánh trên có thể thấy: Các thông số, tiêu chí và nội dung học phần trong chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội của Trường ĐH Tân Trào với Trường ĐH Khoa học – Đại học Thái Nguyên và Trường ĐH Hùng Vương chênh lệch nhau 5 tín chỉ (130 -135-125). Tuy nhiên CTĐT của mỗi trường đều có những điểm nổi bật phù hợp mới mục tiêu đào tạo, cụ thể:

1 Mục tiêu đào tạo ngành CTXH – Trường ĐHTT hướng tới đào tạo nhân viên xã hội chuyên nghiệp có khả năng thích ứng cao với nhiều môi trường, điều kiện hoàn cảnh vị trí làm việc khác nhau. Chuẩn đầu ra ngành CTXH – Trường ĐHTT thể hiện được những yêu cầu cần có đối với SV sau khi tốt nghiệp, nội dung CĐR có thể lượng hóa được, đáp ứng yêu cầu xây dựng CĐR chương trình đào tạo theo quy định của Bộ giáo dục. Nội dung chương trình đào tạo được cấu trúc thành các khối kiến thức theo đúng quy định, sự khác biệt giữa các khối kiến thức và số lượng môn học, tổng số tín chỉ so với các Trường được so sánh không nhiều, giống nhau trên 70%. Ưu điểm lớn trong CTĐT CTXH của ĐHTT là thiết kế theo định hướng thực hành, tăng giờ thảo luận, thực hành, thực tế, giảm nội dung lí thuyết để nâng cao kỹ năng thực hành nghề cho SV.

2. So sánh CTĐT giữa Trường ĐH Tân Trào với Trường ĐH Khoa học – Đại học Thái Nguyên và Trường ĐH Hùng Vương

- Về tổng số tín chỉ: Số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Tân Trào nhiều hơn so với số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Hùng Vương 5 TC; đồng thời, CTĐT của Trường ĐH Tân Trào tăng 5 tín chỉ so với Trường ĐH Khoa học – Đại học Thái Nguyên. Tuy có sự chênh lệch về số tín chỉ nhưng các khối kiến thức trong chương trình của mỗi Nhà trường có những ưu điểm riêng trong việc xác định và lựa chọn các học phần.

- Trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương có số tín chỉ gần tương đương với các Trường được đối sánh. Điều này cho phép sinh viên có nền tảng kiến thức sâu; đồng thời, được lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực của bản thân.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của cả 3 CTĐT của 3 trường đều chiếm số lượng lớn. Các phân chia các khối kiến thức trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào cho phép SV được trang bị những khối kiến thức cụ thể. Đặc biệt, bên cạnh các học phần bắt buộc số lượng các nhóm học phần tự chọn đa dạng. Các học phần kiến thức

chuyên ngành là những học phần nhằm củng cố và khắc sâu thêm kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở những cấp học cao hơn.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.